TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2017/DS-PT
Ngày: 26/7/2017
V/v tranh chấp: "*Đòi lại tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**
Các Thẩm phán:
1/ Ông **Lê Thành Tân**
2/ Ông **Đặng Văn Lộc**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Bùi Thị Kim Yến** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Văn Bé Tư** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2017/TLPT-DS ngày 26/4/2017 về việc tranh chấp "*Đòi lại tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2017/DSST ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 179/2017/QĐPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Ngọc T1** - Sinh năm 1955; nơi cư trú: Ấp Mỹ A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Dương Thị T2** - Sinh năm 1955; nơi cư trú: Ấp Mỹ A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị Hồng T1: Bà **Nguyễn Thị P1** – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Bùi Thanh T3** - Sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp Mỹ A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3.2. Chị **Bùi Ngọc G** - Sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp Mỹ A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3.3. Anh **Bùi Thanh T4** - Sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp Mỹ A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Dương Thị T2 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/10/2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Võ Ngọc T1 trình bày:*

Giữa ông T1 và bà T2 có lập hợp đồng góp hụi do ông T1 làm chủ hụi lúa, loại 20 giạ lúa, một năm khui ba lần, hụi có 14 phần, trong đó ông Bùi Văn H (đã chết) và vợ là bà T2 có tham gia một phần. Hụi khui lần đầu vào ngày 30/01/1996 âm lịch thì ông H và bà T2 kêu 11 giạ, hốt được số lúa là 117 giạ. Sau đó, ông H và bà T2 bỏ địa phương đi nơi khác ít khi về nhà. Các lần khui hụi sau ông H và bà T2 không góp hụi chết lại cho đầu thảo nên ông T1 đóng hụi choàng cho ông H và bà T2 13 lần hụi chết bằng 260 giạ lúa. Do đó, ông T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T2 phải trả cho ông 117 giạ lúa, quy đổi thành tiền là 11.700.000đ (5.000đ/kg x 20kg x 117 giạ).

** Tại bản tự khai ngày 20/11/2016 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn Dương Thị* T2 *trình bày*:

Bà có tham gia một phần trong dây hụi lúa mở ngày 30/01/1996 âm lịch do ông T1 làm đầu thảo. Bà kêu và hốt hụi lần đầu, hốt hụi bằng tiền được quy ra từ lúa. Ông T1 đã giao đủ tiền cho bà. Sau đó, bà có đóng hụi chết lại cho ông T1 trong mỗi lần khui hụi là 500.000đ nên khi mãn hụi bà không còn nợ ông T1 số tiền đóng hụi chết trong dây hụi mở ngày 30/01/1996 âm lịch nữa. Do đó, bà không đồng ý trả cho ông T1 số tiền nợ hụi theo yêu cầu khởi kiện của ông T1.

** Tại các văn bản cùng ngày 19/11/2016, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Bùi Thanh T3, Bùi Ngọc G và Bùi Thanh T4 (con ruột của ông Bùi Văn H và bà Dương Thị T2) thống nhất với lời trình bày của bà T2.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 20/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Áp dụng Điều 167, 280, 614, 615 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Ngọc T1.

Buộc bị đơn bà Dương Thị T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thanh T3, chị Bùi Ngọc G và anh Bùi Thanh T4 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Ngọc T1 số tiền là 11.700.000đ (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 29/3/2017, bị đơn Dương Thị T2 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh

Vĩnh Long yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Ngọc T1. Lý do: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn và các con của bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn 11.700.000đ nợ hụi theo yêu cầu của nguyên đơn, lấy giá lúa 5.000đ/kg năm 1996 là không phù hợp, không đúng thực tế, vì giá lúa năm 1996 chỉ có 1.250đ/kg, tương ứng 25.000đ/giạ, dây hụi đã mãn ngày 30/5/2000, cho đến năm 2014 không có tranh chấp xảy ra vì vợ chồng bà T2 đã thực hiện xong nghĩa vụ đóng hụi chết cho ông T1 tổng cộng 13 lần, mỗi lần 500.000đ, số tiền đã đóng là 6.500.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không bổ sung thêm chứng cứ, không yêu cầu triệu tập người làm chứng.

Người kháng cáo Dương Thị T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lý do kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị T2 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị T2, lý do: Bà T2 và ông H đã đóng tiền hụi đầy đủ cho ông T1, ông T1 đòi nợ hụi nhưng không xác định được trước đây ông đã giao hụi cho vợ chồng bà T2 là bằng lúa hay bằng tiền, chứng cứ mà ông T1 đưa ra là không có cơ sở để xem xét. Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T2 đề nghị Hội đồng xem xét miễn, giảm án phí cho bà T2.

Nguyên đơn Võ Ngọc T1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị T2 và xác định bà T2 còn nợ hụi ông 117 giạ lúa nhưng ông không nhớ trước đây ông đã giao hụi cho bà T2 bằng lúa hay bằng tiền.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Thị T2, buộc bà Dương Thị T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ trả nợ hụi cho ông Võ Ngọc T1 giá trị của 107 giạ lúa (117 giạ lúa trừ hoa hồng 10 giạ lúa còn 107 giạ lúa) theo giá lúa là 1.575đ/kg; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Dương Thị T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về đương sự trong vụ án:

Xét thấy, ông Bùi Văn H (Bùi Văn L) là người có tên trong danh sách hụi viên dây hụi ngày 30/01/1996 âm lịch; ông H đã chết năm 2014, có 06 người thừa kế gồm vợ là bà Dương Thị T2 và 05 người con là Bùi Thị Mỹ LD, Bùi Thanh T3, Bùi Ngọc P, Bùi Ngọc G và Bùi Thanh T4 (cha mẹ ông H đã chết trước ông H). Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để xác định đầy đủ những người thừa kế của ông H nên không đưa hai người con của ông H là chị Bùi Thị Mỹ LD và chị Bùi Ngọc P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đây là một thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, thiếu sót này đã được khắc phục; cụ thể, tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị LD và chị P xác định các chị đã thống nhất nhường quyền hưởng di sản thừa kế của ông H đối với phần của các chị lại cho bà Dương Thị T2, do đó, các chị không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do ông H để lại và không còn liên quan gì trong vụ án này; còn ông Võ Ngọc T1 thì xác định ông chỉ tranh chấp nợ hụi với bà Dương Thị T2 và ba người con của ông H là anh T3, chị G và anh T4. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị LD và chị P vào tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong vụ án, không vi phạm thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn Võ Ngọc T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Dương Thị T2 trả cho ông 117 giạ lúa, quy ra tiền là 11.700.00đ, đây là số nợ phát sinh từ hợp đồng góp hụi mà bà T2 và ông Bùi Văn H (chồng bà T2, đã chết năm 2014) đã tham gia vào năm 1996. Do đó, bản án sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Đòi lại tài sản" là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà T2 khẳng định bà và ông H hốt hụi bằng tiền và đã đóng hụi bằng tiền đầy đủ cho ông T1 13 lần, mỗi lần 500.000đ, dây hụi này đã mãn từ năm 2000 nên ông T1 không có tranh chấp gì đối với bà và gia đình; sau khi hốt hụi, bà T2 và ông H vẫn sinh sống tại địa phương chứ không bỏ địa phương đi nơi khác; lời khẳng định của bà T2 phù hợp với chứng cứ mà bà T2 đã giao nộp tại Tòa án cấp phúc thẩm, đó là bản chính Danh sách hụi viên, bản chính Tờ giao kèo do ông T1 ghi và ký tên và bản chính văn bản xác nhận của Công an địa phương nơi bà T2 và gia đình cư trú về việc bà T2 và gia đình không bỏ địa phương đi trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2016. Trong khi đó, ông T1 đòi nợ hụi bà T2 và gia đình 117 giạ lúa (thành tiền

11.700.000đ) nhưng ông lại không nhớ được hụi mà ông đã giao cho bà T2 và ông H là lúa hay tiền; ông cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh bà T2 và gia đình đã bỏ địa phương đi và còn nợ ông 117 giạ lúa; đối với Giấy giao chứng cứ ngày 13/12/2016 do ông giao nộp cho Tòa án thì không thể hiện bà T2 và ông H còn nợ ông 117 giạ lúa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà T2 và ba người con của ông H có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hụi 11.700.000đ cho ông T2 là không đủ căn cứ theo quy định tại Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T2 và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T2, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên án phí dân sự sơ thẩm được điều chỉnh lại như sau: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên bà T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị T2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc T1 về việc buộc bà Dương Thị T2 và gia đình có nghĩa vụ trả cho ông Võ Ngọc T1 117 giạ lúa, quy thành tiền bằng 11.700.000đ (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Ngọc T1 phải chịu 585.000đ (Năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 292.500đ (Hai trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng) mà ông Võ Ngọc T1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0013340 ngày 21/10/2016; ông Võ Ngọc T1 còn phải nộp thêm 293.000đ (Hai trăm chín mươi ba ngàn đồng).

Bà Dương Thị T2, anh Bùi Thanh T3, chị Bùi Ngọc G và anh Bùi Thanh T4 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Dương Thị T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Dương Thị T2 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013716 ngày 29/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL;
- TAND huyện Trà Ôn;
- Chi cục thi hành án DS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà